

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 294/2020/DS-PT

Ngày: 18 - 8 - 2020

V/v tranh chấp
“Hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Song Bình.

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 69/2019/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 71/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Phương Ng, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp Th, xã Th, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ng là ông Lê Văn D, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Số 273/40/1, Ng, phường 11, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 11 năm 2018).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Phước Kh, sinh năm 1964;

2. Anh Nguyễn Phước Ng, sinh năm 1994;

Cùng địa chỉ: Ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang,

3. Bà Trần Thị Ch, sinh năm 1966;

4. Anh Nguyễn Phước H, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Phước Kh, anh Nguyễn Phước H và anh Nguyễn Phước Ng là bà Trần Thị Ch (Theo các văn bản ủy quyền chứng thực ngày 19 tháng 3 năm 2019).

Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị Ch.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương Ng có đại diện theo ủy quyền là ông Lê Văn D trình bày:*

Vào năm 2014 đến năm 2016 bà Nguyễn Thị Phương Ng có tham gia chơi hụi do các thành viên trong gia đình của ông Nguyễn Phước Kh, bà Trần Thị Ch, anh Nguyễn Phước H và anh Nguyễn Phước Ng cùng làm chủ thảo hụi. Bà Ng tham gia chơi tổng cộng là 03 dây hụi, đến kỳ bà Ng hót hụi thì phía ông Kh, bà Ch, anh H và anh Ng không giao tiền hụi mà bỏ trốn nên bà Ng đã làm đơn tố giác sự việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Tiền Giang. Sau đó Công an có mời hai bên đến để đối chiếu nợ vào ngày 13/01/2017 thì phía bà Trần Thị Ch thay mặt các thành viên trong gia đình đã xác định số tiền mà bà Ng đóng hụi cho các thành viên trong gia đình với số tiền vốn đóng được là 274.000.000 đồng nhưng vụ việc không có khởi tố vụ án hình sự. Sau đó phía ông Kh, bà Ch, anh H và anh Ng có nộp tiền tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Tiền Giang và ngày 16/01/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Tiền Giang có giao trả cho bà Ng được số tiền 27.400.000 đồng. Cho nên, phía ông Kh, bà Ch, anh H và anh Ng còn nợ lại bà Ng số tiền hụi là 246.600.000 đồng, bà Ng có đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa trả. Nay bà Ng yêu cầu ông Kh, bà Ch, anh H và anh Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ng số tiền hụi vốn là 246.600.000 đồng và số tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với số tiền 246.600.000 đồng với lãi suất 0,8%/tháng kể từ ngày 16/01/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/8/2019 là hơn 31 tháng lãi nhưng chỉ yêu cầu tính tròn là 30 tháng lãi.

** Bị đơn ông Nguyễn Phước Kh, bà Trần Thị Ch, anh Nguyễn Phước H và anh Nguyễn Phước Ng; bà Ch cũng là đại diện theo ủy quyền của ông Kh, anh H và anh Ng trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Phương Ng có tham gia chơi 03 dây hụi do phía bà Ch làm chủ thảo. Trong đó dây hụi 20.000.000 đồng khai ngày 15/11/2014 (âm lịch), dây hụi 20.000.000 đồng khai ngày 10/10/2015 (âm lịch) và dây hụi 10.000.000 đồng khai ngày 15/10/2015 (âm lịch). Phía bà Ng có đóng hụi sống tổng cộng 03 dây hụi với số tiền vốn đóng là 274.000.000 đồng. Sau khi bẻ hụi bà Ng có làm đơn tố giác sự việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Tiền Giang. Sau đó Công an có mời hai bên đến để đối chiếu nợ hụi vào ngày 13/01/2017 thì hai bên thống nhất với nhau phía bà Ch nợ bà Ng số tiền hụi vốn

là 274.000.000 đồng. Sau đó phía bà Ch có trả 27.400.000 đồng còn nợ lại bà Ng số tiền nợ hui là 246.600.000 đồng. Nay bà Ch đồng ý đứng ra trả cho bà Ng số tiền là 246.600.000 đồng nhưng xin trả dần và xin trả vốn không phải trả tiền lãi do chậm trả vì hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn. Riêng phía ông Kh, anh H và anh Ng là chồng và các con của bà Ch, không liên quan gì đến việc chơi hui của bà Ng nên không phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Ch đứng ra trả tiền nợ hui cho phía bà Ng.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 471, 280, 288, 357, 468 Bộ luật dân sự; Điều 17, 19, 21, 22, 24, 26, 27, 28, 29 và 31 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hui, biếu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương Ng có đại diện theo ủy quyền là ông Lê Văn D.

- Buộc ông Nguyễn Phước Kh, bà Trần Thị Ch, anh Nguyễn Phước H và anh Nguyễn Phước Ng phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Phương Ng số tiền là 305.784.000 đồng (Trong đó vốn đóng hui là 246.600.000 đồng, lãi là 59.184.000 đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương Ng có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn ông Kh, bà Ch, anh H và anh Ng chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Buộc ông Kh, bà Ch, anh H và anh Ng phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.644.600 đồng.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Phương Ng 7.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Ng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001929 ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 05 tháng 09 năm 2019, bị đơn bà Trần Thị Ch có đơn kháng yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ng, chỉ buộc bà Ch có nghĩa vụ trả cho bà Ng số tiền hui gốc và lãi là 305.784.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày, tranh luận:

- Bà Trần Thị Ch trình bày: Việc làm hui là do bà thực hiện, không liên quan đến chồng và các con, bà tự nguyện chịu trách nhiệm và nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn về tiền nợ và tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu.

Bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ng, chỉ buộc bà Ch trả cho bà Ng số tiền là 305.784.000 đồng (Trong đó vốn đóng hui là 246.600.000 đồng, lãi là 59.184.000 đồng) nhưng xin trả dần do hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

- Ông Lê Văn D là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương Ng trình bày: Về số tiền nợ hui bà Ch và các thành viên trong gia đình bà Ch phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ng, việc bà Ch nhận một mình trả nợ là để các thành viên trong gia đình trốn tránh nghĩa vụ, căn cứ vào tài liệu do nguyên đơn cung cấp cho thấy các thành viên gồm: chồng và con của bà Ch đều biết việc bà Ch tổ chức hui, chờ bà Ch gom hui và sử dụng tiền lãi từ tổ chức để chi phí sinh hoạt gia đình, có dấu hiệu của việc chuyển nhượng tài sản để trốn tránh nghĩa vụ thi hành án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Ch.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm qua lời trình bày của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ, xét thấy chồng và các con của bà Ch biết và có tham gia trong việc góp hui của bà Ch, nên cần phải xem xét về trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị đơn cũng không cung cấp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ gì khác, nguyên đơn cung cấp thêm lời khai của bà Ch tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã C thể hiện việc tổ chức góp hui có liên quan đến chồng bà và các con. Do đó, nội dung kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để xem xét, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

[2] Qua nội dung trình bày, tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm và các tài liệu, chứng cứ thể hiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn thống nhất với nhau về số tiền nợ hui gồm tiền hui vốn là 246.600.000 đồng và số tiền lãi phát sinh do

chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với số tiền 246.600.000 đồng với lãi suất 0,8%/tháng kể từ ngày 16/01/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/8/2019 là hơn 31 tháng lãi nhưng chỉ yêu cầu tính tròn là 30 tháng lãi, không có ý kiến khác.

- Bị đơn đồng ý trả số tiền nợ hội gồm tiền gốc và tiền lãi như quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

- Xét nội dung đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Ch cho rằng chồng bà là ông Nguyễn Phước Kh và hai con của bà là anh Nguyễn Phước H, Nguyễn Phước Ng không liên quan đến việc tổ chức góp hội nên không có nợ số tiền hội của bà Nguyễn Thị Phương Ng, số tiền nợ hội bà sẽ có trách nhiệm trả cho bà Ng, bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không buộc ông Kh, anh Ng, anh H liên đới trả số nợ trên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

- Về trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nợ hội cho nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Trần Thị Ch, ông Nguyễn Phước Kh, Nguyễn Phước Ng, Nguyễn Phước H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Phương Ng số tiền nợ hội là 246.600.000 đồng và tiền lãi là 59.184.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi là 305.784.000 đồng (Ba trăm lẻ năm triệu bảy trăm tám mươi bốn ngàn đồng).

- Xác định về nghĩa vụ liên đới theo Điều 288 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về thực hiện nghĩa vụ liên đới: “Nghĩa vụ liên đới là nghĩa vụ do nhiều người cùng phải thực hiện và bên có quyền có thể yêu cầu bất cứ ai trong số những người có nghĩa vụ phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ...” việc thực hiện hợp đồng góp hội có liên quan đến những thành viên trong hộ gia đình bà Ch dẫn đến nhiều người cùng gây thiệt hại thì những người đó phải liên đới bồi thường cho người bị thiệt hại. Trên cơ sở những căn cứ có liên quan đến các bị đơn được thể hiện như:

Căn cứ vào lời trình bày, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp trong hồ sơ thể hiện các hội viên đều có đơn tường trình và cam kết thông qua chứng thực của Ủy ban nhân dân về trách nhiệm nội dung trình bày, xác định trong thời gian việc thực hiện hợp đồng góp hội thì các thành viên trong gia đình bà Ch gồm Nguyễn Phước Kh, Nguyễn Phước H, Nguyễn Phước Ng đều biết và thực hiện chở bà Ch đi lấy tiền hội hàng tháng, do bà Ch không biết chạy xe. Lời khai của bà Ch tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã C ngày 19/5/2016 thể hiện bà Ch thừa nhận có chồng và các con biết, chở bà đi góp hội.

Lời khai của ông Kh, anh H, anh Ng cho rằng không có tham gia góp hội với vợ và mẹ tổ chức nhưng các đương sự này vẫn biết hoạt động góp hội của bà Ch trong suốt thời gian dài nhưng không có ý kiến hay phản đối về việc góp hội của bà Ch, bị đơn thừa nhận tiền tổ chức hội có phục vụ nhu cầu sinh sống của gia đình và nuôi con ăn học.

- Việc khởi kiện của nguyên đơn đối với các đồng bị đơn là có căn cứ vì thời điểm phát sinh hợp đồng góp hội ông Kh, bà Ch, anh Ng, anh H sống chung

với nhau, có liên quan đến việc góp hui, bà Ch sử dụng tiền hui để chi tiêu sinh hoạt đảm bảo cuộc sống trong gia đình, lo cho con ăn học, làm ăn. Xét về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng: “Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các Điều 24, 25 và 26 Luật hôn nhân và gia đình” (Khoản 1 Điều 27 Luật hôn nhân gia đình); “Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình” (khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014).

- Khi phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự, quá trình giải quyết vụ án và tại cấp phúc thẩm cho thấy ông Nguyễn Phước Kh là chồng của bà Ch có hành vi chuyển quyền sử dụng đất cho con trai tên Nguyễn Phước Ng vào ngày 30/8/2017 đối với 02 thửa đất, có dấu hiệu của việc trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nợ mà bà Ch chưa trả cho những người tham gia góp hui, trong đó ông Kh là chồng bà Ch cũng là bị đơn trong vụ án, tài sản mà ông Kh chuyển nhượng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân do đó đây là tài sản chung của vợ và chồng, việc chuyển quyền sử dụng tài sản này sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia góp hui mà gia đình bà Ch chưa thanh toán.

- Xét thấy trong vụ án có các tài sản là bất động sản liên quan đến các bị đơn, tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng đất chung của hộ gia đình trong vụ án, do đó để bảo cho việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các đương sự nên cần phải xác định là bị đơn hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định ông Kh, anh Ng, anh H là bị đơn trong vụ án là có căn cứ vì ngoài việc là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan họ còn phải có nghĩa vụ liên đới trong hợp đồng góp hui.

[3] Các tình tiết, tài liệu, lời khai của các đương sự việc tổ chức gụi của bị đơn với nhiều người tham gia lên đến hơn 100 người, với quy mô lớn, số tiền bị đơn nợ các hui viên trên 40 tỷ đồng, đây là số tiền lớn tại địa phương thời điểm năm 2015, 2016 nhưng bị đơn không chứng minh được những ai đã giắt hui của bị đơn, bị đơn cũng không khởi kiện để yêu cầu các hui viên nợ hui trả lại, cho thấy việc tổ chức hui của bị đơn là có tổ chức với các thành viên trong gia đình để chiếm đoạt tài sản của người khác nhưng Cơ quan cảnh sát điều tra không khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với bà Trần Thị Ch. Nên xét thấy cần phải xem xét hành vi của các thành viên trong gia đình bà Ch để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của các đương sự tham gia chơi hui và đảm bảo an ninh chính trị tại địa phương.

[4] Ngoài ra nguyên đơn cung cấp các tài liệu chứng minh việc bà Ch và ông Kh vào thời điểm bẻ hui đã chuyển quyền sử dụng đất với diện tích 176,9m² tại Bình Phước cho anh Nguyễn Phước H và vợ anh H là chị Nguyễn Thị Kim

Ch theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CC 972822 cấp ngày 15/6/2016, được điều chỉnh biến động vào ngày 19/9/2016 với nội dung ông Nguyễn Phước H cùng vợ là bà Nguyễn Thị Kim Ch nhận tặng cho tài sản...Tại phiên tòa phúc thẩm bà Ch cũng thừa nhận sau khi chuyển cho anh H xong thì anh H đã bán diện tích đất này. Lời khai tại phiên tòa phúc thẩm xét xử vụ án tranh chấp hợp đồng góp hụi giữa nguyên đơn Lê Thị Ch và các bị đơn Nguyễn Phước Kh, Nguyễn Phước Ng, Trần Thị Ch và Nguyễn Phước H, anh Nguyễn Phước H khai nhận anh sinh sống chung với mẹ tại Thôn 1, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước từ năm 2006 cho đến nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập. Từ những diễn biến trên cho thấy việc tổ chức hụi trong gia đình bà Ch là có, đồng thời các bị đơn đã chuyển nhượng, bán lại một số diện tích đất tại xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang và xã, huyện B, tỉnh Bình Phước cho thấy các bị đơn có sự bàn bạc, biết việc tổ chức hụi, có hành vi tẩu tán tài sản để trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nợ.

[5] Tại phiên tòa các bị đơn cũng không cung cấp, bổ sung tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền nợ hụi là nợ riêng của bà Ch và chứng minh không có nghĩa vụ chịu trách nhiệm liên đới trong việc thanh toán tiền nợ hụi theo yêu cầu của nguyên đơn.

[6] Từ những căn cứ, lời trình bày, tranh luận và diễn biến phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy nội dung đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Ch là không có cơ sở chấp nhận, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử có căn cứ đúng pháp luật, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Buộc các bị đơn ông Nguyễn Phước Kh, bà Trần Thị Ch, anh Nguyễn Phước Ng, anh Nguyễn Phước H có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ, tiền lãi với số tiền nợ hụi gồm vốn gốc là 246.600.000 đồng và tiền lãi là 59.184.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi là 305.784.000 đồng.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn Trần Thị Ch không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Ch.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 69/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Tuyên xử:

1. Về dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương Ng có đại diện theo ủy quyền là ông Lê Văn D.

- Buộc ông Nguyễn Phước Kh, bà Trần Thị Ch, anh Nguyễn Phước H và anh Nguyễn Phước Ng phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Phương Ng số tiền là 305.784.000 đồng (Trong đó vốn đóng hội là 246.600.000 đồng, lãi là 59.184.000 đồng). Thời hạn thanh toán khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương Ng có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn ông Kh, bà Ch, anh H và anh Ng chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Kh, bà Ch, anh H và anh Ng phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.644.600 đồng.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Phương Ng 7.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Ng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001929 ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã C.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trần Thị Ch phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000144 ngày 05/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, xem như đã thực hiện xong án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND TX Cai Lậy;
- CC THADS TX Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Hiệp